TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 64/2023/HS-ST Ngày: 09-8-2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

C*ác Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Thúy

2. Ông Nguyễn Văn Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Tiến Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 64/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/HSST-QĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Tòng Văn D; sinh ngày 04 tháng 02 năm 1996 tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tòng Văn M, sinh năm 1965 và bà Lò Thị A, sinh năm 1974; Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Khoàng Thị B và có 01 con chung sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/02/2023 cho tới nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Điện Biên, có mặt.

2. Họ và tên: Vừ A H; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1976 tại huyện C, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản S, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vừ Phái Ch, sinh năm 1957 và bà Thào Thị Th (đã chết); Bị cáo có vợ là Lầu Thị T và 03 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/02/2023 cho tới nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vừ A H:* Ông Lý A Chía, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Lò Văn H, sinh năm 1969; Anh Lò Việt D1, sinh năm 1993; cùng địa chỉ: Bản Kh, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, đều vắng mặt.

Anh Vừ A V, sinh năm 2000; địa chỉ: Bản S, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 23 giờ 50 phút, ngày 31/01/2023, Tổ công tác của Phòng An ninh điều tra, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Điện Biên và Công an huyện N đang làm nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự trước, trong và sau tết nguyên đán tại khu vực bản Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Điện Biên, phát hiện 01 xe ô tô màu trắng, nhãn hiệu Chevrolet, mang biển kiểm soát 27A-013.80 di chuyển trên tỉnh lộ 145B theo hướng từ Km45 thuộc xã Ph, huyện N vào trung tâm huyện N, có dấu hiệu nghi vấn vi phạm pháp luật. Tổ công tác đã ra tín hiệu dừng xe để kiểm tra hành chính, qua kiểm tra phát hiện người điều khiển xe ô tô là Tòng Văn D, sinh năm 1996, trú tại bản H1, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên và trên xe D đang chở 06 người có quốc tịch Trung Quốc (gồm 05 nam và 01 nữ) đang trên đường xuất cảnh trái phép sang Lào, có thông tin lai lịch như sau:

1. Trần Thiện B, sinh năm 2002, trú tại số xx, T, thôn ĐH, xã ĐL, huyện TS, tỉnh HB, Trung Quốc.

2. Trần Kiến B1, sinh năm 1982, trú tại Tổ 8, thôn LT, trấn NK, huyện TK, tỉnh HB, Trung Quốc.

3. Giang Hải L, sinh năm 1988, trú tại số xx, Tòa số xx, KT, khu TL, thành phố LN, tỉnh PK, Trung Quốc.

4. Giang Lệ D (giới tính: nữ), sinh năm 1987, trú tại số xx TM, thôn TX, trấn TĐ, khu TA, thành phố HM, tỉnh PK, Trung Quốc.

5. Mạnh Tường C, sinh năm 1993, trú tại số xx, Tổ 9, xã ML, tra HS, huyện TS, tỉnh HB, Trung Quốc.

6. Ngô Hưng V, sinh năm 1989, trú tại số xx, tiểu khu LH, khu NM, trấn Thôn D, huyện TS, tỉnh HB, Trung Quốc.

Qua làm việc, Tòng Văn D khai nhận từ ngày 27/01/2023 đến ngày 31/01/2023 Tòng Văn D được 01 người đàn ông không quen biết sử dụng số điện thoại 0867.531.397 liên hệ với D, thuê D tổ chức 02 lần đưa 08 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Lào, với tổng tiền công là 6.500.000 đồng. Sau đó, D đã thuê Vừ A H, sinh năm 1976, trú tại bản P, xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên đi trước quan sát đường, nếu thấy lực lượng chức năng thì sẽ thông báo cho D biết với tổng tiền công cả 02 lần là 2.500.000 đồng. Căn cứ vào lời khai của D, cùng ngày 31/01/2023 tổ công tác đã mời Vừ A H đang ở khu vực bản Đ, xã Ph làm việc. Vừ A H đã thừa nhận đã 02 lần cùng D thực hiện hành vi tổ chức đưa 08 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Lào, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào chiều ngày 27/01/2023 có 01 người đàn ông sử dụng số điện thoại 0867.531.397 liên hệ thuê D tổ chức cho 02 người quốc tịch Trung Quốc, đi từ xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên tới khu vực Mốc 65 biên giới Việt Nam – Lào, thuộc bản Đ, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên, giao cho 01 người đàn ông tên L để người này tiếp tục đưa 02 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Lào với tiền công là 1.500.000 đồng. D đồng ý và thuê Vừ A H điều khiển xe máy đi trước quan sát xem có lực lượng chức năng làm việc không, để báo lại cho D với tiền công là 500.000 đồng. Đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/01/2023, D sử dụng 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, chở 02 người quốc tịch Trung Quốc vào huyện N, tỉnh Điện Biên. Đến khoảng 02 giờ sáng 28/01/2023, D đã giao 02 người quốc tịch Trung Quốc cho người đàn ông tên L tại khu vực mốc 65 biên giới Việt Nam – Lào và nhận 1.500.000 đồng tiền công. Sau đó, người đàn ông tên L đã đưa 02 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Lào. Đến chiều ngày 28/01/2023, D đã trả cho H số tiền 500.000 đồng như đã thỏa thuận, sau đó cả D và H đều đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này.

Lần thứ hai: Vào sáng ngày 31/01/2023, người đàn ông không quen biết tiếp tục sử dụng số điện thoại 0867.531.397 liên hệ thuê D tổ chức đưa 06 người quốc tịch Trung Quốc từ thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đến mốc 65 biên giới Việt Nam – Lào giao cho người đàn ông tên L để đưa họ xuất cảnh trái phép sang Lào với tiền công là 5.000.000 đồng. Với thủ đoạn như trên D tiếp tục thuê H điều khiển xe máy đi trước quan sát đường với tiền công là 2.000.000 đồng. Sau đó, D mượn 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, biển kiểm soát 27A-013.80, đăng ký xe mang tên Lò Việt D, đón 06 người quốc tịch Trung Quốc vào khoảng 21 giờ ngày 31/01/2023 tại khu vực bản Kh, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên để chở vào khu vực Mốc 65 biên giới Việt Nam – Lào, thuộc bản Đ, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên giao cho người đàn ông tên L. Khi H đã đi đến khu vực Mốc 65 và quay trở về, còn D điều khiển xe ô tô đến bản Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Điện Biên thì bị Tổ công tác phát hiện lập biên bản. Do hành vi bị phát hiện nên D chưa nhận được tiền công của người đàn ông tên L ở lần này.

Tài liệu, đồ vật thu giữ của Tòng Văn D gồm: 01 điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Sam Sung màu xanh, loại Galaxy S21, bên trong có lắp 2 sim với 02 số thuê

bao là 0857.761.345 và 0358.497.128; 01 điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Sam Sung màu đen loại Galaxy A72 bên trong có lắp 02 sim với 02 số thuê bao là 0961.271.478 và 0774.314.252; 01 điện thoại bàn phím nhãn hiệu Nokia màu đen có lắp 02 sim với 02 số thuê bao là 0344.366.860 và 0325.756.867; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000173, mang tên Lò Việt D, biển số đăng ký 27A-013.80; 01 Giấy phép lái xe số 310176033260, họ và tên Tòng Văn D; 01 căn cước công dân số 011096005435, mang tên Tòng Văn D; 01 xe ô tô 05 chỗ, nhãn hiệu Chevrolet, màu trắng, biển kiểm soát 27A-013.80. Quá trình điều tra ông Tòng Văn M (là bố đẻ của bị cáo Tòng Văn D) đã giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, màu xanh xám đen, biển kiểm soát 27B1-636.11 và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 061040, họ và tên chủ xe: Tòng Văn D, biển số đăng ký 27B1-636.11.

Tài liệu, đồ vật thu giữ của Vừ A H gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu itel màu xanh D1, bên trong có lắp 01 sim với số thuê bao 0356.418.466; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung Galaxy A04, màu đen, bên trong có lắp 01 sim với số thuê bao 0346.303.954; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 099758, tên chủ xe Vừ A V, biển số đăng ký 27B2-025.03; 01 căn cước công dân số 01107601647, mang tên Vừ A H; 01 xe mô tô màu xanh – đen, nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 27B2-215.11.

Tài liệu, đồ vật thu giữ của 06 người quốc tịch Trung Quốc gồm: Thu giữ của Trần Thiện B 01 điện thoại Iphone 13 màu trắng viền bạc; 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Thiện B. Thu giữ của Trần Kiến B1 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWE màu vàng đồng; 01 hộ chiếu mang tên Trần Kiến B1; 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Kiến B1. Thu giữ của Ngô Hưng V 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWE Nova8, màu đen. Thu giữ của Giang Hải L 01 điện thoại di động Iphone 8, màu vàng đồng; 01 hộ chiếu mang tên Giang Hải L. Thu giữ của Giang Lệ D 01 chứng minh nhân dân mang tên Giang Lệ D. Thu giữ của Mạnh Tường C 01 chứng minh nhân dân mang tên Mạnh Tường Ch; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO K10 5G, màu xanh D1.

Quá trình làm việc, 06 người quốc tịch Trung Quốc có lời khai như sau: Vào cuối tháng 01/2023 do muốn xuất cảnh trái phép sang Lào để tìm việc làm, những người này đã lên các trang mạng xã hội "Ding Ding", "QQ", "Con Dơi" tại Trung Quốc, để tìm hiểu và được một số chủ các cơ sở kinh doanh ở Lào nhận vào làm việc và bố trí người tổ chức cho xuất cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam, rồi tiếp tục xuất cảnh trái phép sang Lào. Vào đêm ngày 30, rạng sáng ngày 31/01/2023, 06 người quốc tịch Trung Quốc đã nhập cảnh trái phép vào Việt Nam (tại khu vực giáp ranh giữa tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc với Việt Nam nhưng không biết thuộc địa phận tỉnh nào). Sau khi nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, 06 người này liên tục di chuyển bằng nhiều xe ô tô với những lái xe khác nhau. Đến khoảng 19 giờ ngày 31/01/2023, 06 người này được 01 người đàn ông chở bằng ô tô tới thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, rồi chuyển sang xe ô tô của Tòng Văn D, để D đưa vào huyện N. Khi đang di chuyển, thì bị lực lượng

chức năng phát hiện, lập biên bản, thu giữ đồ vật tài liệu nêu trên và mời về trụ sở Công an huyện N, tỉnh Điện Biên làm việc.

Tại Cáo trạng số 56/CT-VKSĐB-P1 ngày 05/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Tòng Văn D và Vừ A H về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Tòng Văn D và Vừ A H đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình phù hợp với bản Cáo trạng số 56/CT-VKSĐB-P1 ngày 05/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lò Việt D và Lò Văn H vắng mặt, nhưng quá trình điều tra có lời khai như sau: Nguồn gốc chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, mang biển kiểm soát 27A-013.80 mà bị cáo Tòng Văn D sử dụng để chở 06 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Lào, chủ sở hữu là anh Lò Việt D đã bán lại cho ông Lò Văn H, tuy nhiên do ông H chưa trả đủ tiền nên các bên chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 31/01/2023, bị cáo Tòng Văn D đã hỏi mượn chiếc xe từ ông H nhưng cả ông H và anh D1 đều không biết việc bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội. Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên trả lại chiếc xe ô tô kèm theo chứng nhận đăng ký xe cho anh Lò Việt D vào ngày 10/3/2023, anh D1 và ông H không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Vừ A V có lời khai như sau: Nguồn gốc chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B2-215.11, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX mà bị cáo Vừ A H sử dụng để đi trước quan sát đường cho bị cáo Tòng Văn D là của anh Vừa A Và, con trai của bị cáo, cho bị cáo mượn sử dụng, do anh V đi làm ăn xa không có ở nhà. Anh V không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô của mình để thực hiện hành vi phạm tội. Tại giai đoạn điều tra, Cơ quan An ninh điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh Vừ A V. Tại phiên tòa, anh V không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Tòng Văn D và Vừ A H về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 15, Điều 38 và Điều 17, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; đề nghị xử phạt bị cáo Tòng Văn D từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, xử phạt Vừ A H từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, màu xanh xám đen; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe

mô tô số 061040, họ tên chủ xe Tòng Văn D, biển số đăng ký 27B1-636.11; 01 điện thoại bàn phím nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong có lắp 02 sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Samsung màu đen loại Galaxy A72, bên trong có lắp 02 sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu itel màu xanh D1, trong điện thoại có lắp 01 sim, đã qua sử dụng. Trả lại cho bị cáo Tòng Văn D 01 căn cước công dân số 011096005435, đề tên Tòng Văn D, do cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021; 01 Giấy phép lái xe số 310176033260, mang tên Tòng Văn D; 01 điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Samsung màu xanh, loại Galaxy S21 FE5G, bên trong có lắp 02 sim, đã qua sử dụng. Trả lại cho bị cáo Vừ A H 01 căn cước công dân số 011076001647, mang tên Vừ A H, do cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/4/2021; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, màu đen, bên trong có lắp 02 sim, đã qua sử dụng. Buộc bị cáo Tòng Văn D phải nộp lại số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Vừ A H phải nộp lại số tiền 500.000 đồng vào ngân sách nhà nước, là số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vừ A H. Buộc bị cáo Tòng Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Vừ A H nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo vì hành vi phạm tội của bị cáo là rõ ràng. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức thấp nhất theo để nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Người bào chữa đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vừ A H.

Các bị cáo Tòng Văn D, Vừ A H nhất trí với nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo đều ăn năn, hối hận về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh V điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với các bị cáo:

Qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy: Trong khoảng tHi gian từ ngày 27/01/2023 đến ngày 31/01/2023, các bị cáo Tòng Văn D và Vừ A H đã 02 lần thực hiện hành vi tổ chức cho 08 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Lào, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, vào đêm ngày 27 rạng sáng ngày 28/01/2023, Vừ A H sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 27B2-215.11 đi trước quan sát đường, bị cáo Tòng

Văn D sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 27B1-636.11 chở 02 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Lào, theo đường mòn Mốc 65 biên giới Việt Nam – Lào thuộc bản Đ, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên, thu lợi bất chính 1.500.000 đồng, trong đó bị cáo D hưởng lợi 1.000.000 đồng, bị cáo H hưởng lợi 500.000 đồng.

Lần thứ hai, vào tối ngày 31/01/2023 bị cáo H tiếp tục sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 27B2-215.11 đi trước quan sát đường, bị cáo D sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, biển kiểm soát 27A-013.80 chở 06 người quốc tịch Trung Quốc đi từ thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tới khu vực Mốc 65 biên giới Việt Nam – Lào thuộc bản Đ, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên để xuất cảnh trái phép sang Lào. Khi xe ô tô do D điều khiển, di chuyển đến khu vực bản Đ, xã Ph, huyện N, tỉnh Điện Biên thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang. Các bị cáo chưa tổ chức đưa 06 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Lào, nên chưa nhận được tiền công 5.000.000 đồng tại lần phạm tội này.

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Tòng Văn D, Vừ A H phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 56/CT-VKSĐB-P1, ngày 05/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:…

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Đối với từ 05 người đến 10 người;…"

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo rất nghiêm trọng, có tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội rất lớn, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý xuất cảnh, nhập cảnh, đồng tHi làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, an ninh quốc gia. Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi cá nhân mà coi thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một tHi hạn nhất định để giữ vững kỷ cương của pháp luật và làm gương răn đe, giáo dục trong Nhân dân. Tuy nhiên, đối với lần phạm tội thứ hai, các bị cáo đang thực hiện hành vi tổ chức cho 06 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Lào thì bị phát hiện nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng Điều 15, khoản 1, 3 Điều 57 của Bộ Luật hình sự để quyết định hình phạt tại lần phạm tội thứ hai cho các bị cáo.

[3] Về vị trí, vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo Tòng Văn D là người khởi xướng cũng là người thực hành, bị cáo Vừ A H là người giúp sức tích cực nên cần có mức hình phạt tương xứng với từng bị cáo.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo Tòng Văn D, Vừ A H đều xuất thân trong gia đình nông dân, nhưng không chịu lao động, để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài của bản thân, các bị cáo đã thực hiện hành vi tổ chức cho 08 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép để thu lợi bất chính. Tuy nhiên, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo luôn thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tại giai đoạn xét xử các bị cáo đã tích cực tác động gia đình nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, trong đó của bị cáo D là 1.000.000 đồng, của bị cáo H là 500.000 đồng, căn cứ vào Án lệ số 48/2021/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 25/11/2021 và được công bố theo Quyết định số 594/QĐ-CA ngày 31/12/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo D có ông nội được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba (theo Quyết định số 99 KT/HĐNN, ngày 09/4/1988) nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Tòng Văn D từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù và bị cáo Vừ A H từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù. Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo H có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo D có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hơn nữa tại lần phạm tội thứ hai các bị cáo tổ chức cho 06 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép thuộc trường hợp chưa đạt. Do đó, Hội Hội đồng xét xử quyết định xử phạt các bị cáo dưới mức đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng tHi thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước nên không chấp nhận đề nghị xử phạt của Viện kiểm sát. Đối với các đề nghị khác là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự thì *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm"*, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình

phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo có nghề nghiệp chính là làm nông nghiệp, không có thu nhập ổn định nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên, các bị cáo và người bào chữa cho bị cáo Vừ A H đều đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, màu xanh xám đen và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 061040, họ tên chủ xe Tòng Văn D, biển số đăng ký 27B1-636.11; 01 điện thoại bàn phím nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong có lắp 02 sim, đã qua sử dụng và 01 điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Samsung màu đen loại Galaxy A72, bên trong có lắp 02 sim, đã qua sử dụng của bị cáo Tòng Văn D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu itel màu xanh D1, trong điện thoại có lắp 01 sim, đã qua sử dụng của bị cáo Vừ A H là công cụ, phương tiện phạm tội, Hội đồng xét xử căn cứ vào a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 căn cước công dân số 011096005435, đề tên Tòng Văn D, do cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021, 01 Giấy phép lái xe số 310176033260, mang tên Tòng Văn D là giấy tờ tùy thân của bị cáo, Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo D. Đối với 01 căn cước công dân số 011076001647, mang tên Vừ A H, do cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/4/2021 là giấy tờ tùy thân của bị cáo Vừ A H, Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo H.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, màu đen, bên trong có lắp 02 sim, đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Tòng Văn D và 01 điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Samsung màu xanh, loại Galaxy S21 FE5G, bên trong có lắp 02 sim, đã qua sử dụng thu giữ của Vừ A H. Quá trình điều tra đã xác minh, làm rõ, 02 chiếc điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho các bị cáo.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng, theo lời khai của bị cáo D và bị cáo H là số tiền các bị cáo thu lợi bất chính từ việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép. Bị cáo Tòng Văn D đã chia cho Vừ A H 500.000 đồng, còn bị cáo D lấy 1.000.000 đồng, các bị cáo đã sử dụng hết số tiền này cho mục đích cá nhân, Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Điện Biên không thu hồi được. Ngày 25/7/2023 người thân của các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền này tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên. Hội đồng xét xử, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình

sự quyết định tịch thu vào ngân sách số tiền 1.000.000 đồng của bị cáo Tòng Văn D, 500.000 đồng của bị cáo Vừ A H.

Đối với chiếc xe ô tô màu trắng, nhãn hiệu Chevrolet, mang biển kiểm soát 27A-013.80, là phương tiện bị cáo Tòng Văn D sử dụng chở 06 người quốc tịch Trung Quốc để xuất cảnh trái phép sang Lào. Cơ quan điều tra đã xác minh, làm rõ đăng ký chủ sở hữu là anh Lò Việt D sinh năm 1993, anh D1 đã bán chiếc xe cho ông Lò Văn H, sinh năm 1969 cùng địa chỉ bản Kh, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, do ông H chưa trả đủ tiền nên hai bên chưa làm thủ tục sang tên. Anh D1 và ông H không biết việc bị cáo D mượn chiếc xe ô tô tổ chức cho 06 người quốc tịch Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Lào. Tại giai đoạn điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên trả lại chiếc xe ô tô kèm theo chứng nhận đăng ký xe cho anh Lò Việt D vào ngày 10/3/2023. Tại phiên tòa anh D1 và ông H vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy việc xử lý vật chứng đối với chiếc xe mô tô của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B2-215.11, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX màu xanh đen, là phương tiện bị cáo Vừ A H sử dụng để thực hiện hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép sang Lào. Cơ quan điều tra đã xác minh, làm rõ chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe mô tô là của anh Vừ A V, con trai của bị cáo, cho bị cáo mượn sử dụng. Anh V không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe mô tô của mình để thực hiện hành vi phạm tội. Tại giai đoạn điều tra, Cơ quan An ninh điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh Vừ A V. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy việc xử lý vật chứng đối với chiếc xe mô tô của Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Điện Biên là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

Đối với tài liệu, đồ vật thu giữ của 06 người Trung Quốc đã được Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Điện Biên bàn giao cho Đồn Biên phòng A Pa Chải để xử lý theo quy định, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Vừ A H: Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Vừ A H nhất trí với luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội của bị cáo, do bị cáo là người dân tộc thiểu số, không hiểu pháp luật. Đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên. Do Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên nên cũng không chấp nhận đề nghị của người bào chữa về hình phạt. Đối với các đề nghị khác của người bào chữa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[11] Đối với 06 người quốc tịch Trung Quốc là: Trần Thiện B, Trần Kiến B1, Giang Hải L, Giang Lệ D, Mạnh Tường C, Ngô Hưng V có hành vi qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 18 Nghị định số 144/2021/NĐ-CP, ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Do đó, ngày 04/02/2023 Công an huyện N, tỉnh Điện Biên đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 06 người quốc tịch Trung Quốc bằng hình thức phạt tiền. Đến ngày 06/02/2023, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Điện Biên đã bàn giao 06 người quốc tịch Trung Quốc và toàn bộ đồ, vật tài liệu thu giữ của những người này cho Đồn Biên phòng A Pa Chải xử lý theo quy định.

[12] Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông sử dụng số điện thoại 0867.531.397 thuê Tòng Văn D tổ chức 02 lần cho 08 người Trung Quốc xuất cảnh trái phép sang Lào. Quá trình điều tra xác định đăng ký chủ thuê bao này là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950, trú tại Tổ 2, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã tiến hành lấy lời khai của bà T, bà T xác định từ trước đến nay không đăng ký, sử dụng số điện thoại nêu trên, không quen biết, liên hệ với bị cáo D nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý. Đề nghị Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Điện Biên tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ nhân thân, lai lịch của đối tượng này để xử lý theo quy định.

Đối với người đàn ông tên L, sử dụng số điện thoại 0369.569.376 là người đón các đối tượng do D chở đến tại khu vực biên giới, để tiếp tục đưa các đối tượng đi theo đường mòn xuất cảnh trái phép sang Lào và trả tiền công cho bị cáo D. Quá trình điều tra đã xác định đăng ký chủ thuê bao này là ông Quàng Văn Ng, sinh năm 1972, trú tại xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Điện Biên đã tiến hành lấy lời khai của ông Ng, ông Ng xác định từ trước đến nay không đăng ký, sử dụng số điện thoại nêu trên, không quen biết liên hệ với bị cáo D nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xử lý. Đề nghị Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Điện Biên tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ nhân thân, lai lịch của đối tượng này để xử lý theo quy định.

Đối với 02 người quốc tịch Trung Quốc, đã được các bị cáo tổ chức xuất cảnh trái phép sang Lào tại lần thứ nhất và các đối tượng đã tổ chức cho 06 người quốc tịch Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, do các bị cáo không

biết nhân thân, lai lịch của các đối tượng này, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[13] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Tòng Văn D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vừ A H, do bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã Th, huyện Đ, tỉnh Điện Biên là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

[14] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Tòng Văn D và Vừ A H đều phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 17, Điều 38, khoản 1, khoản 3 Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Tòng Văn D và Vừ A H.

Xử phạt bị cáo Tòng Văn D 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù, tHi hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 04/02/2023.

Xử phạt bị cáo Vừ A H 05 (năm) năm tù, tHi hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 04/02/2023.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, màu sơn: xanh xám đen, số máy: G3D4E561319, số khung: RLCUG0610HY537788; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 061040, họ tên chủ xe Tòng Văn D, biển số đăng ký 27B1-636.11.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại bàn phím nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong có lắp 02 sim, đã qua sử dụng và 01 điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Samsung màu đen loại Galaxy A72, bên trong có lắp 02 sim, đã qua sử dụng của bị cáo Tòng Văn D.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu itel màu xanh D1, trong điện thoại có lắp 01 sim, đã qua sử dụng của bị cáo Vừ A H;

- Trả lại cho bị cáo Tòng Văn D 01 căn cước công dân số 011096005435, đề tên Tòng Văn D, do cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/5/2021; 01 Giấy phép lái xe số 310176033260, mang tên Tòng Văn D; 01 điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Samsung màu xanh, loại Galaxy S21 FE5G, bên trong có lắp 02 sim, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Vừ A H 01 căn cước công dân số 011076001647, mang tên Vừ A H, do cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/4/2021; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, màu đen, bên trong có lắp 02 sim, đã qua sử dụng.

(Vật chứng được niêm phong như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/6/2023 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Chi cục thi hành án dân sự huyện N)

- Tịch thu vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng của bị cáo Tòng Văn D, số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng của bị cáo Vừ A H, theo các biên lai thu tiền số 0002857 và 0002858, ngày 25/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Tòng Văn D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vừ A H.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 09/8/2023; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA - TA tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Người có QLNV LQ;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện N;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT CA huyện N;
- Cơ quan THAHS CA huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS: VA, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Sao